VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa

(Tiếp theo Công báo số 697 + 698)

Mẫu số III.10

(Ban hành kèm theo Phụ lục III của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

SỔ KIỂM TRA THIẾT BỊ NÂNG HÀNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên thiết bị nâng:

Tên phương tiện:

Số Đăng kiểm của phương tiện:

Chủ phương tiện:

HƯỚNG DẪN VIỆC GHI VÀ SỬ DỤNG
SỔ KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT THIẾT BỊ NÂNG TRÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

1. *Sổ này do Cục Đăng kiểm Việt Nam (ĐKVN) cấp cho mỗi thiết bị nâng trên phương tiện thủy nội địa thuộc phạm vi giám sát của Cục ĐKVN gồm 22 trang;*
2. *Đăng kiểm viên của ĐKVN tiến hành kiểm tra và ghi kết quả kiểm tra vào phần III của Sổ.*
3. *Trách nhiệm của Chủ thiết bị nâng:*

   a - Kê khai đầy đủ đặc tính của thiết bị nâng (Phần I).

   b - Phải cung cấp đầy đủ toàn bộ hồ sơ kỹ thuật của thiết bị nâng cho Đăng kiểm viên kiểm tra.

   c - Duy trì trạng thái kỹ thuật của thiết bị nâng phù hợp với các đặc tính đã cấp.

   d - Kê khai đầy đủ việc sửa chữa, thay thế, hoán cải các bộ phận cơ cấu của thiết bị nâng (Phần II).
4. *Toàn bộ các giấy chứng nhận và biên bản kiểm tra phải luôn được kèm trong Sổ này.*

SỔ KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT
THIẾT BỊ NÂNG TRÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

1. TÊN THIẾT BỊ NÂNG: .....

2. NĂM, NƠI CHẾ TẠO: .....

3. SỐ CHẾ TẠO THIẾT BỊ NÂNG HOẶC SỐ QUẢN LÝ: .....

4. CHỦ PHƯƠNG TIỆN: .....

5. SỐ ĐĂNG KIỂM CỦA PHƯƠNG TIỆN: .....

6. ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM: .....

Ngày…..... tháng..... năm.....

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Ký tên, đóng dấu)

PHẦN I - ĐẶC TÍNH THIẾT BỊ NÂNG

1) Sức nâng cho phép, tấn: .....

Móc chính:.....; Móc phụ:.....; Gầu ngoạm:.....

2) Tầm với/khẩu độ, m: .....

Móc chính - lớn nhất/nhỏ nhất:
.....

Móc phụ - lớn nhất/nhỏ nhất:
.....

Gầu ngoạm - lớn nhất/nhỏ nhất:
.....

3) Chiều cao nâng lớn nhất, m:.....

Móc chính:.....; Móc phụ:.....; Gầu ngoạm:.....

4) Tốc độ nâng hàng lớn nhất, m/ph:.....

Móc chính:.....; Móc phụ:.....; Gầu ngoạm:.....

5) Tốc độ nâng cần lớn nhất, m/ph:.....

6) Tốc độ quay lớn nhất, v/ph: .....

7) Tốc độ di chuyển lớn nhất, m/ph: .....

- Di chuyển thiết bị nâng: .....
- Di chuyển xe con:.....

8) Góc nghiêng tính toán của thiết bị nâng, độ:

- Nghiêng dọc (chúi):.....
- Nghiêng ngang: .....

9) Trọng lượng toàn bộ của thiết bị nâng, t: .....

10) Trọng lượng các bộ phận chính, t:

- Cần (cầu trục):..... - Xe con: .....
- Tháp:..... - Đối trọng:.....

11) Đặc tính của các cơ cấu nâng:

Cơ cấu	Loại truyền động	Đường kính tang, mm	Đường kính puli, mm	Đường kính puli cân bằng, mm	Số nhánh dây của palăng	Hiệu suất palăng
1) Nâng tải						
- Móc chính:	.....	.....	.....	.....	.....	.....
- Móc phụ:	.....	.....	.....	.....	.....	.....
2) Nâng cần:	.....	.....	.....	.....	.....	.....

12) Đặc tính của cơ cấu quay, di chuyển:

Cơ cấu	Loại truyền động	Đường kính bánh răng to, mm	Đường kính bánh răng nhỏ, mm	Số răng bánh răng to, chiếc	Số răng bánh răng nhỏ, chiếc	Kiểu ăn khớp (trong/ ngoài)
1) Quay						
2) Di chuyển	.....	.....	.....	.....	.....	.....

13) Đặc tính phanh hãm:

Cơ cấu	Số lượng phanh	Loại phanh (đai, má, thường đóng, điều khiển tự động bằng tay)	Loại truyền động phanh (điện từ, thủy lực	Hệ số dự trữ phanh	Quãng đường phanh của cơ cấu
1) Nâng tải					
- Móc chính:	.....	.....	.....	.....	.....
- Móc phụ:	.....	.....	.....	.....	.....
2) Nâng cần:	.....	.....	.....	.....	.....
3) Quay:	.....	.....	.....	.....	.....
4) Di chuyển:					
- Thiết bị nâng:	.....	.....	.....	.....	.....
- Xe con:	.....	.....	.....	.....	.....

14) Các thiết bị an toàn:

a - Thiết bị ngắt hành trình:

- Cơ cấu nâng tải: Số lượng: ..... Vị trí đặt:.....
- Cơ cấu nâng cần: Số lượng: ..... Vị trí đặt:.....
- Cơ cấu quay: Số lượng: ..... Vị trí đặt:.....
- Cơ cấu di chuyển/Xe con: Số lượng: ..... Vị trí đặt:.....

b - Thiết bị ngắt quá tải: Số lượng: ..... Vị trí đặt:.....

c - Thiết bị kẹp ray: Số lượng: ..... Vị trí đặt:.....

d - Khóa liên động: Số lượng: ..... Vị trí đặt:.....

đ - Thiết bị chỉ báo:

- Chỉ tầm với: Vị trí đặt: .....
- Chỉ tải trọng: Vị trí đặt: .....
- Chỉ góc nghiêng: Vị trí đặt: .....

e - Thiết bị tín hiệu: Vị trí đặt: .....

g - Thiết bị chiếu sáng: Vị trí đặt: .....

h - Các thiết bị an toàn khác: .....

.....

15) Đặc tính của các cơ cấu dẫn động:

Cơ cấu	Công suất (kW)/ Tốc độ (v/ph)/Mô men đầu ra (N.m) của động cơ điện/ thủy lực	Công suất (kW)/ Áp suất (MPa)/ Sản lượng (l/ph) của bơm nguồn thủy lực	Công suất (kW)/ Tốc độ (v/ph)/Mô men đầu ra (N.m) của động cơ điện lai bơm	Tỷ số truyền của hộp giảm tốc
1) Nâng tải	.....	.....	.....	.....
- Móc chính:	.....	.....	.....	.....
- Móc phụ:	.....	.....	.....	.....
- Nâng ngoạm	.....	.....	.....	.....
2) Nâng cần:	.....	.....	.....	.....
3) Quay:	.....	.....	.....	.....
4) Di chuyển thiết bị nâng	.....	.....	.....	.....
5) Di chuyển xe con	.....	.....	.....	.....

16) Loại điện và điện áp:

STT	Tên mạch điện	Loại điện	Điện áp
1	Động lực		
2	Điều khiển		
3	Chiếu sáng làm việc		
4	Chiếu sáng sửa chữa		

17) Chỗ điều khiển (buồng điều khiển, bàn điều khiển, sàn.....)

.....

18) Điều kiện làm việc:

- Áp lực gió cho phép khi thiết bị nâng làm việc:..... N/m^2
- Tốc độ gió cho phép khi thiết bị nâng làm việc:..... m/s

19) Đặc tính kỹ thuật của dây cáp

Công dụng của cáp	Kết cấu của cáp	Đường kính cáp	Giới hạn bền của sợi thép khi kéo, N/mm^2	Lực kéo đứt toàn bộ dây cáp	Hệ số dự trữ sức bền	Chiều dài dây cáp, m

20) Đặc tính của bộ phận mang tải:

a - Móc cẩu

Thông số	Móc chính	Móc phụ
Sức nâng cho phép, t Trọng lượng bản thân, t Nơi chế tạo Số chế tạo		

b - Gầu ngoạm:

Sức nâng cho phép: ..... t

Dung tích gầu: ..... m^3

Trọng lượng bản thân: ..... t

Nơi chế tạo: .....

Số chế tạo: .....

c - Thiết bị chuyên dùng khác:

.....

.....

21) Đặc tính cơ bản các kết cấu kim loại của thiết bị nâng:

Bộ phận kết cấu	Mác/Cấp vật liệu cơ bản	Vật liệu hàn	Ghi chú

22) Đặc tính đường ray di chuyển của thiết bị nâng/xe con:

a - Khổ đường ray: ..... /..... mm

b - Loại ray: .... / .....

c - Phương pháp liên kết đường ray:

- Giữa ray với ray: .....

- Giữa ray với bệ đỡ:.....

23) Thiết bị nâng đã được thử tải ở các chế độ sau:

Điều kiện thử và chế độ thử	Tầm với hoặc khẩu độ, m	Tải trọng thử, t
1 - Móc chính - Thử động: 2 - Móc phụ - Thử động: 3 - Gầu ngoạm - Thử động:		

Thiết bị nâng đã được kiểm tra và thử tải hoàn toàn phù hợp với "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên các phương tiện thủy nội địa - QCVN 96: 2016/BGTVT" và các Tiêu chuẩn hiện hành, các điều kiện kỹ thuật chế tạo và được công nhận hoạt động tốt với sức nâng cho phép theo đặc tính tải.

Ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN

(Đơn vị chế tạo hoặc quản lý)

PHẦN II - GIÁM SÁT CỦA ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

SỬA CHỮA, THAY THẾ, HOÁN CẢI CÁC BỘ PHẬN, CƠ CẤU CỦA THIẾT BỊ NÂNG

(trang 8)

Ngày, tháng, năm	Nội dung sửa chữa, thay thế, hoán cải	Chữ ký của người chịu trách nhiệm về hoạt động an toàn của thiết bị nâng

(Gồm 6 trang giống nhau từ trang 9 đến trang 14)

Ngày, tháng, năm	Nội dung sửa chữa, thay thế, hoán cải	Chữ ký của người chịu trách nhiệm về hoạt động an toàn của thiết bị nâng

PHẦN III - GIÁM SÁT CỦA CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ THỬ TẢI

(Có Biên bản kiểm tra và Giấy chứng nhận kèm theo)

(trang 15)

Ngày, tháng, năm kiểm tra	Loại/kết quả kiểm tra	Họ tên, chữ ký của Đăng kiểm viên	Ghi chú (Ngày và chữ ký)

(gồm 7 trang giống nhau từ trang 16 đến 22)

Ngày, tháng, năm kiểm tra	Loại/kết quả kiểm tra	Họ tên, chữ ký của Đăng kiểm viên	Ghi chú (Ngày và chữ ký)

Mẫu số IV.01

(Ban hành kèm theo Phụ lục IV của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .

GIẤY CHỨNG NHẬN

KIỂU SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN sản phẩm dưới đây được sản xuất bởi cơ sở chế tạo nêu trong giấy chứng nhận này phù hợp với.....

Sản phẩm được công nhận: .....

Kiểu:.....

Cơ sở chế tạo:.....

Phạm vi áp dụng:.....

Tiêu chuẩn kiểm tra: .....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày: .....
với điều kiện phải được xác nhận chu kỳ phù hợp với quy định: .....
Ngày ấn định đánh giá chu kỳ:.....

Cấp tại:……. Ngày:……

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN(*)
(Ký tên, đóng dấu)

STA

(*) Người có thẩm quyền là Lãnh đạo Cục ĐKVN hoặc Lãnh đạo Phòng tham mưu hoặc Lãnh đạo Chi cục đăng kiểm theo phân công/ủy quyền của Cục trưởng Cục ĐKVN

Bản vẽ và tính toán thiết kế được thẩm định:

.....

.....

Thử được thực hiện:

.....

.....

Đặc tính của sản phẩm:

.....

.....

Đánh dấu trên sản phẩm:

.....

.....

Các điều kiện khác:

.....

.....

XÁC NHẬN CHU KỲ

Căn cứ vào kết quả đánh giá chu kỳ, xác nhận kiểu sản phẩm của cơ sở chế tạo được duy trì phù hợp với Quy chuẩn/tiêu chuẩn.

Ngày: .....

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Ký tên, đóng dấu)

Giấy chứng nhận này mất hiệu lực khi:

- Chất lượng của (các) sản phẩm do cơ sở chế tạo không theo đúng quy định.
- Đăng kiểm viên nhận thấy có những thiếu sót trong hệ thống hoạt động của cơ sở.
  Cơ sở không thông báo những thay đổi lớn trong hệ thống hoạt động của cơ sở tới VR.
- Cơ sở không thực hiện các đợt đánh giá theo quy định.

Mẫu số IV.02

(Ban hành kèm theo Phụ lục IV của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---o0o---

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số:……..

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN:

Tên sản phẩm/ký hiệu thiết kế:.....
Dự định sử dụng cho: .....
Các thông số cơ bản:
.....
.....
.....
.....
.....
Đã được thiết kế phù hợp với: .....
Số thẩm định:..... Ngày thẩm định:
Đơn vị thiết kế: .....
Công văn đề nghị thẩm định số:.....Ngày: .....
Chủ sử dụng thiết kế:.....
.....
Số lượng chế tạo:.....
Cơ sở chế tạo: .....
Đơn vị ĐKGS: .....
Những lưu ý:

Cấp tại……. ngày…. tháng….. năm….
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN *

TK08-TNĐ

(*) Người có thẩm quyền là Lãnh đạo Cục ĐKVN hoặc Lãnh đạo Phòng tham mưu hoặc Lãnh đạo Chi cục đăng kiểm theo phân công/ủy quyền của Cục trưởng Cục ĐKVN.

Mẫu số IV.03

(Ban hành kèm theo Phụ lục IV của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:……..

GIẤY CHỨNG NHẬN

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN (các) sản phẩm sau đây đã được kiểm tra và phù hợp với: .....

Số lượng và tên sản phẩm:.....

Cơ sở chế tạo: .....

Sử dụng cho: .....

Số giấy chứng nhận kiểu sản phẩm:.....; Số thẩm định thiết kế:.....

Số xuất xưởng:.....

Hạn chế áp dụng: .....

Tiêu chuẩn kiểm tra: .....

Được đóng dấu ấn chỉ và số kiểm tra như sau.

Cấp tại:……. Ngày:……

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN(*)

(Ký tên, đóng dấu)

SCP

(*) Người có thẩm quyền là Lãnh đạo Cục ĐKVN hoặc Lãnh đạo Phòng tham mưu hoặc Lãnh đạo Chi cục đăng kiểm theo phân công/ủy quyền của Cục trưởng Cục ĐKVN

Các đặc tính:

.....
.....

Lưu ý:

.....
.....

Mẫu số IV.04

(Ban hành kèm theo Phụ lục IV của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:……

GIẤY CHỨNG NHẬN

THỬ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN (các) sản phẩm sau đây đã được thử và kiểm tra phù hợp với.....

Số lượng và tên sản phẩm:.....

Cơ sở chế tạo: .....

Sử dụng cho:.....

Số xuất xưởng:.....

Hạn chế áp dụng: .....

Tiêu chuẩn kiểm tra: .....

Được đóng dấu ấn chỉ và số kiểm tra như sau.

Cấp tại:…… Ngày:……

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN(*)

(Ký tên, đóng dấu)

STP

(*) Người có thẩm quyền là Lãnh đạo Cục ĐKVN hoặc Lãnh đạo Phòng tham mưu hoặc Lãnh đạo Chi cục đăng kiểm theo phân công/ủy quyền của Cục trưởng Cục ĐKVN

Các đặc tính:

.....
.....

Lưu ý:

.....
.....

Mẫu số V.01

(Ban hành kèm theo Phụ lục V của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QUẢN LÝ NƯỚC DẰN

Số: .....
No.

CERTIFICATE OF COMPLIANCE FOR INTERNATIONAL BALLAST WATER MANAGEMENT

Giấy chứng nhận này được CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM cấp nhằm cung cấp thông tin cho các bên liên quan để thể hiện sự phù hợp với các điều khoản của Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước dằn và cặn lắng (sau đây được gọi là "Công ước").

This Certificate is issued by Vietnam Register for the information of interested parties to indicate compliance with the provisions of the International Convention for the Control and Management of Ship's Ballast Water and Sediments (hereinafter referred to as "the Convention").

Đặc điểm tàu
Particulars of Ship

Tên tàu Name of Ship	Số đăng ký hoặc hô hiệu Distinctive Number or Letters	Cảng đăng ký Port of Registry	Tổng dung tích Gross Tonnage	Số IMO IMO Number

Ngày đóng tàu:
Date of construction: ----------

Thể tích nước dằn:
Ballast Water Capacity: ----------

Chi tiết Phương pháp quản lý nước dằn được sử dụng:
Details of Ballast Water Management Method(s) used:

Phương pháp quản lý nước dằn được sử dụng:
Method of Ballast Water Management used: ----------

Ngày trang bị (nếu có):
Date installed (if applicable): ----------

Nhà chế tạo (nếu có):
Name of manufacturer (if applicable): ----------

Phương pháp quản lý nước dằn của tàu:
The principal Ballast Water Management method(s) employed on this ship is/are:

☐ Phù hợp với quy định D-1
In accordance with regulation D-1

☐ Phù hợp với quy định D-2
In accordance with regulation D-2

Mô tả:
Description: ----------

☐ Phù hợp với quy định D-4
In accordance with regulation D-4

CHỨNG NHẬN RẰNG:
THIS IS TO CERTIFY:

1. Tàu đã được kiểm tra phù hợp với Quy định E-1 của Phụ lục Công ước; và
That the ship has been surveyed in accordance with Regulation E-1 of the Annex to the Convention; and
2. Đợt kiểm tra cho thấy việc quản lý nước dằn của tàu phù hợp với Phụ lục của Công ước.
That the survey shows that Ballast Water Management on the ship complies with the Annex to the Convention.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: ----------
This Certificate is valid until

với điều kiện tàu được kiểm tra phù hợp theo Quy định E-1 của Phụ lục Công ước
subject to surveys in accordance with Regulation E-1 of the Annex to the Convention.

Ngày hoàn thành kiểm tra làm cơ sở cấp giấy chứng nhận này: ----------
Completion date of the survey on which this Certificate is based

Cấp tại ---------- Ngày ----------
Issued at Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

XÁC NHẬN KIỂM TRA HÀNG NĂM VÀ KIỂM TRA TRUNG GIAN
ENDORSEMENT FOR ANNUAL AND INTERMEDIATE SURVEYS

Chứng nhận rằng, căn cứ kết quả kiểm tra theo Quy định E-1 của Phụ lục Công ước, tàu đã thỏa mãn các yêu cầu tương ứng của Công ước.
This is to certify that, at a survey required by Regulation E-1 of the Annex to the Convention, the ship was found to comply with the relevant requirements of the Convention.

Kiểm tra hàng năm - Annual survey **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)**

Nơi kiểm tra: .....
Place

Ngày: .....
Date

Kiểm tra hàng năm/trung gian* - Annual/intermediate* survey **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)**

Nơi kiểm tra: .....
Place

Ngày: .....
Date

Kiểm tra hàng năm/trung gian* - Annual/intermediate* survey **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)**

Nơi kiểm tra: .....
Place

Ngày: .....
Date

Kiểm tra hàng năm - Annual survey **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)**

Nơi kiểm tra: .....
Place

Ngày: .....
Date

KIỂM TRA HÀNG NĂM/TRUNG GIAN THEO QUY ĐỊNH E-5.8.3
ANNUAL/INTERMEDIATE SURVEY IN ACCORDANCE WITH REGULATION E-5.8.3

Chứng nhận rằng, căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trung gian* theo Quy định E-5.8.3 của Phụ lục Công ước, tàu này đã thỏa mãn các yêu cầu tương ứng của Công ước.
This is to certify that, at an annual/intermediate* survey in accordance with Regulation E-5.8.3 of the Annex to the Convention, the ship was found to comply with the relevant requirements of the Convention.

Nơi kiểm tra: ..... **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)**
Place

Ngày: .....
Date

---

* Gạch bỏ nội dung không thích hợp.
Delete as appropriate.

XÁC NHẬN GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN TRONG TRƯỜNG HỢP HẠN HIỆU LỰC NHỎ HƠN 5 NĂM KHI ÁP DỤNG QUY ĐỊNH E-5.3

ENDORSEMENT TO EXTEND THE STATEMENT IF VALID FOR LESS THAN 5 YEARS WHERE REGULATION E-5.3 APPLIES

Tàu này thỏa mãn các yêu cầu tương ứng của Công ước và theo Quy định E-5.3 của Phụ lục Công ước, Giấy chứng nhận này được chấp nhận có hiệu lực đến ngày:
The ship complies with the relevant provisions of the Convention, and this Certificate shall, in accordance with Regulation E-5.3 of the Annex to Convention, be accepted as valid until: .....

Nơi kiểm tra: .....
Place

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

Ngày: .....
Date

XÁC NHẬN KHI HOÀN THÀNH KIỂM TRA CẤP MỚI VÀ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH E-5.4

ENDORSEMENT WHERE THE RENEWAL SURVEY HAS BEEN COMPLETED AND REGULATION E-5.4 APPLIES

Tàu thỏa mãn các yêu cầu tương ứng của Công ước và theo Quy định E-5.4 của Phụ lục Công ước, Giấy chứng nhận này được chấp nhận có hiệu lực đến ngày:
The ship complies with the relevant requirements of the Convention, and this Certificate shall, in accordance with Regulation E-5.4 of the Annex to the Convention, be accepted as valid until: .....

Nơi kiểm tra: .....
Place

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

Ngày: .....
Date

XÁC NHẬN GIA HẠN HIỆU LỰC GIẤY CHỨNG NHẬN CHO ĐẾN KHI TÀU ĐẾN CẢNG KIỂM TRA HOẶC ĐỐI VỚI THỜI HẠN GIA HẠN KHI ÁP DỤNG QUY ĐỊNH E-5.5 HOẶC E-5.6

ENDORSEMENT TO EXTEND THE VALIDITY OF THE STATEMENT UNTIL REACHING THE PORT OF SURVEY OR FOR A PERIOD OF GRACE WHERE REGULATION E-5.5 OR E-5.6 APPLIES

Theo Quy định E-5.5/E-5.6* của Công ước, Giấy chứng nhận này được chấp nhận có hiệu lực đến:
This Certificate shall, in accordance with Regulation E-5.5/ E-5.6* of the Convention, be accepted as valid until:

.....

Nơi kiểm tra: .....
Place

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

Ngày: .....
Date

---

* Gạch bỏ nội dung không thích hợp.
Delete as appropriate.

XÁC NHẬN THAY ĐỔI NGÀY ẤN ĐỊNH KIỂM TRA KHI ÁP DỤNG QUY ĐỊNH E-5.8
ENDORSEMENT FOR ADVANCEMENT OF ANNIVERSARY DATE WHERE REGULATION 5.8 APPLIES

Theo Quy định E-5.8 của Phụ lục Công ước, ngày ấn định kiểm tra mới là:
In accordance with Regulation E-5.8 of the Annex to the Convention, the new anniversary date is:

.....

Nơi kiểm tra: .....
Place

Ngày: .....
Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

XÁC NHẬN THAY ĐỔI NGÀY ẤN ĐỊNH KIỂM TRA KHI ÁP DỤNG QUY ĐỊNH E-5.8
ENDORSEMENT FOR ADVANCEMENT OF ANNIVERSARY DATE WHERE REGULATION 5.8 APPLIES

Theo Quy định E-5.8 của Phụ lục Công ước, ngày ấn định kiểm tra mới là:
In accordance with Regulation E-5.8 of the Annex to the Convention, the new anniversary date is:

.....

Nơi kiểm tra: .....
Place

Ngày: .....
Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

Mẫu số V.02

(Ban hành kèm theo Phụ lục V của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

VIETNAM REGISTER

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP VỀ DANH MỤC CÁC VẬT LIỆU NGUY HIỂM

CERTIFICATE OF COMPLIANCE ON INVENTORY OF HAZARDOUS

Số:----------
No.

Giấy chứng nhận này được CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM cấp nhằm cung cấp thông tin cho các bên liên quan để thể hiện sự phù hợp với các điều khoản của Công ước quốc tế Hồng Kông về Tái chế tàu an toàn và thân thiện với môi trường, 2009 (sau đây gọi là "Công ước").

This Certificate is issued by VIETNAM REGISTER for the information of interested parties to indicate compliance with the provisions of the Hong Kong International Convention for the Safe and Environmentally Sound Recycling of Ships, 2009 (hereinafter referred to as "the Convention").

Đặc điểm tàu
Particulars of Ship

Tên tàu Name of Ship	
Số đăng ký hoặc Hô hiệu Official Number or Call Sign	
Cảng đăng ký Port of Registry	
Tổng dung tích Gross tonnage	
Số IMO IMO number	
Tên và địa chỉ chủ tàu Name and address of shipowner	
Số IMO của chủ tàu IMO registered owner identification number	
Số IMO của Công ty IMO company identification number	
Ngày đóng tàu Date of Construction	

Các đặc trưng của Phần I của Danh mục các vật liệu nguy hiểm
Particulars of Part I of the Inventory of Hazardous Materials

Số phân biệt/thẩm tra của Phần I của Danh mục các vật liệu nguy hiểm: _____
Part I of the Inventory of Hazardous Materials identification/verification number:

Lưu ý: Phần I của Danh mục các vật liệu nguy hiểm, yêu cầu bởi quy định 5 của Phụ lục Công ước, là phần cần thiết của Giấy chứng nhận này và phải thường xuyên đính kèm theo Giấy chứng nhận này. Phần I của Danh mục các vật liệu nguy hiểm phải được lập theo mẫu chuẩn theo các hướng dẫn do Tổ chức ban hành.

Note: Part I of the Inventory of Hazardous Materials, as required by regulation 5 of the Annex to the Convention, is an essential part of this Certificate and must always accompany this Certificate. Part I of the Inventory of Hazardous Materials should be compiled on the basis of the standard format shown in the guidelines developed by the Organization.

CHỨNG NHẬN RẰNG:
THIS IS TO CERTIFY:

1. Tàu đã được kiểm tra phù hợp với quy định 10 của Phụ lục của Công ước; và
   that the ship has been surveyed in accordance with regulation 10 of the Annex to the Convention; and
2. Việc kiểm tra nhận thấy Phần I của Danh mục các vật liệu nguy hiểm thỏa mãn hoàn toàn các yêu cầu áp dụng của Công ước.
   that the survey shows that Part I of the Inventory of Hazardous Materials fully complies with the applicable requirements of the Convention.

Ngày hoàn thành kiểm tra làm cơ sở cấp giấy chứng nhận này: _____
Completion date of the survey on which this Certificate is based

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: _____
This Certificate is valid until

Cấp tại _____ Ngày _____
Issued at Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

XÁC NHẬN GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN NẾU THỜI HẠN HIỆU LỰC NHỎ HƠN 5 NĂM KHI ÁP DỤNG QUY ĐỊNH 11.6*
ENDORSEMENT TO EXTEND THE CERTIFICATE IF VALID FOR LESS THAN FIVE YEARS WHERE REGULATION 11.6 APPLIES*

Tàu thỏa mãn các điều khoản tương ứng của Công ước và giấy chứng nhận này sẽ được, phù hợp với quy định 11.6 của Phụ lục Công ước, chấp nhận với thời hạn đến:
The ship complies with the relevant provisions of the Convention, and this certificate shall, in accordance with regulation 11.6 of the Annex to the Convention, be accepted as valid until:

Nơi kiểm tra: _____
Place

Ngày: _____
Date

_____
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

XÁC NHẬN NẾU KIỂM TRA CẤP MỚI ĐƯỢC HOÀN THÀNH VÀ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH 11.7*
ENDORSEMENT WHERE THE RENEWAL SURVEY HAS BEEN COMPLETED AND REGULATION 11.7 APPLIES*

Tàu thỏa mãn các điều khoản tương ứng của Công ước và giấy chứng nhận này sẽ được, phù hợp với quy định 11.7 của Phụ lục Công ước, chấp nhận với thời hạn đến:
The ship complies with the relevant provisions of the Convention, and this certificate shall, in accordance with regulation 11.7 of the Annex to the Convention, be accepted as valid until:

Nơi kiểm tra: _____
Place

Ngày: _____
Date

_____
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

XÁC NHẬN GIA HẠN HIỆU LỰC CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẾN KHI TÀU TỚI CẢNG KIỂM TRA HOẶC VỚI THỜI HẠN CHO PHÉP KHI ÁP DỤNG QUY ĐỊNH 11.8 HOẶC 11.9⁺
ENDORSEMENT TO EXTEND THE VALIDITY OF THE CERTIFICATE UNTIL REACHING THE PORT OF SURVEY OR FOR A PERIOD OF GRACE WHERE REGULATION 11.8 OR 11.9 APPLIES⁺

Giấy chứng nhận này, phù hợp theo quy định 11.8 hoặc 11.9⁺ của Phụ lục Công ước, được chấp nhận hiệu lực đến:
This certificate shall, in accordance with regulation 11.8 or 11.9⁺ of the Annex to the Convention, be accepted as valid until:

Nơi kiểm tra: _____
Place

Ngày: _____
Date

_____
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

XÁC NHẬN KIỂM TRA BỔ SUNG*
ENDORSEMENT FOR ADDITIONAL SURVEY*

Tại lần kiểm tra bổ sung phù hợp theo quy định 10 của Phụ lục Công ước, nhận thấy tàu thoả mãn các điều khoản thích hợp của Công ước.
At an additional survey in accordance with regulation 10 of the Annex to the Convention, the ship was found to comply with the relevant provisions of the Convention.

Nơi kiểm tra: _____
Place

Ngày: _____
Date

_____
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

---

* Trang xác nhận này sau lần kiểm tra phải được sao lại và bổ sung vào Giấy chứng nhận.
This page of the endorsement shall be reproduced and added to the certificate.

⁺ Gạch bỏ nội dung không thích hợp.
Delete as appropriate.

Mẫu số V.03

(Ban hành kèm theo Phụ lục V của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

VIETNAM REGISTER

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP ĐỦ ĐIỀU KIỆN TÁI CHẾ TÀU BIỂN

CERTIFICATE OF COMPLIANCE FOR READY FOR RECYCLING

Số:----------
No.

(Giấy chứng nhận này phải được đính kèm theo Danh mục các vật liệu nguy hiểm và Kế hoạch tái chế tàu)
(This certificate shall be supplemented by the Inventory of Hazardous Materials and the Ship Recycling Plan)

Giấy chứng nhận này được CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM cấp nhằm cung cấp thông tin cho các bên liên quan để thể hiện sự phù hợp với các điều khoản của Công ước quốc tế Hồng Kông về Tái chế tàu an toàn và thân thiện với môi trường, 2009 (sau đây gọi là "Công ước").

This Certificate is issued by VIETNAM REGISTER for the information of interested parties to indicate compliance with the provisions of the Hong Kong International Convention for the Safe and Environmentally Sound Recycling of Ships, 2009 (hereinafter referred to as "the Convention").

Đặc điểm tàu
Particulars of Ship

Tên tàu Name of Ship	
Số đăng ký hoặc hô hiệu Distinctive number or letters	
Cảng đăng ký Port of Registry	
Tổng dung tích Gross tonnage	
Số IMO IMO number	
Tên và địa chỉ chủ tàu Name and address of shipowner	
Số đăng ký IMO của chủ tàu IMO registered owner identification number	
Số đăng ký IMO của Công ty IMO company identification number	
Ngày đóng tàu Date of Construction	

Đặc trưng của Cơ sở tái chế tàu
Particulars of the Ship Recycling Facility(ies)

Tên Cơ sở tái chế tàu Name of Ship Recycling Facility	
Số phân biệt của Công ty tái chế tàu* Distinctive Recycling Company identity number*	
Địa chỉ đầy đủ Full address	
Ngày hết hạn của DASR Date of expiry of DASR	

* Căn cứ theo Giấy phép thực hiện tái chế tàu (DASR).
This number is based on the Document of Authorization to conduct Ship Recycling (DASR).

Đặc trưng của Danh mục các vật liệu nguy hiểm
Particulars of the Inventory of Hazardous Materials

Số nhận biết/thẩm tra Danh mục các vật liệu nguy hiểm: _____
Inventory of Hazardous Materials identification/verification number:

Lưu ý: Danh mục các vật liệu nguy hiểm, theo yêu cầu của quy định 5 của Phụ lục Công ước, là phần cần thiết của Giấy chứng nhận này và phải thường xuyên đi kèm theo Giấy chứng nhận này. Danh mục các vật liệu nguy hiểm phải được lập theo mẫu chuẩn nêu trong các hướng dẫn do Tổ chức ban hành.
Note: The Inventory of Hazardous Materials, as required by regulation 5 of the Annex to the Convention, is an essential part of this Certificate and must always accompany this Certificate. The Inventory of Hazardous Materials should be compiled on the basis of the standard format shown in the guidelines developed by the Organization.

Đặc trưng của Kế hoạch tái chế tàu
Particulars of the Ship Recycling Plan

Số nhận biết/thẩm tra Kế hoạch tái chế tàu: _____
Ship Recycling Plan identification/verification number:

Lưu ý: Kế hoạch tái chế tàu, theo yêu cầu của quy định 9 của Phụ lục Công ước, là phần cần thiết của Giấy chứng nhận này và phải thường xuyên đi kèm theo Giấy chứng nhận này.
Note: The Ship Recycling Plan, as required by regulation 9 of the Annex to the Convention, is an essential part of this Certificate and must always accompany this Certificate.

CHỨNG NHẬN RẰNG:
THIS IS TO CERTIFY:

1.Tàu đã được kiểm tra phù hợp với quy định 10 của Phụ lục Công ước;
that the ship has been surveyed in accordance with regulation 10 of the Annex to the Convention;

2. Tàu có Danh mục các vật liệu nguy hiểm còn hiệu lực phù hợp với quy định 5 của Phụ lục Công ước;
that the ship has a valid Inventory of Hazardous Materials in accordance with regulation 5 of the Annex to the Convention;

3. Kế hoạch tái chế tàu, theo yêu cầu của quy định 9, phản ánh chính xác các thông tin nêu trong Danh mục các vật liệu nguy hiểm theo yêu cầu của quy định 5.4 và có các thông tin liên quan đến việc thiết lập, duy trì và kiểm soát các công việc An toàn để tiếp cận và An toàn đối với công việc nóng; và
that the Ship Recycling Plan, as required by regulation 9, properly reflects the information contained in the Inventory of Hazardous Materials as required by regulation 5.4 and contains information concerning the establishment, maintenance and monitoring of Safe-for-entry and Safe-for-hot work conditions; and

4. Cơ sở tái chế tàu thực hiện tái chế tàu có Giấy phép còn hiệu lực phù hợp theo Công ước.
that the Ship Recycling Facility(ies) where this ship is to be recycled holds a valid authorization in accordance with the Convention.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: _____
This Certificate is valid until

Cấp tại _____ Ngày _____
Issued at Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

XÁC NHẬN GIA HẠN HIỆU LỰC CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẾN KHI TÀU TỚI CẢNG CỦA CƠ SỞ TÁI CHẾ TÀU THEO THỜI HẠN CHO PHÉP KHI ÁP DỤNG QUY ĐỊNH 14.5*

ENDORSEMENT TO EXTEND THE VALIDITY OF THE CERTIFICATE UNTIL REACHING THE PORT OF THE SHIP RECYCLING FACILITY FOR A PERIOD OF GRACE WHERE REGULATION 14.5 APPLIES*

Giấy chứng nhận này, phù hợp theo quy định 14.5 của Phụ lục Công ước, được chấp nhận thời hạn hiệu lực cho hành trình một chuyến
This certificate shall, in accordance with regulation 14.5 of the Annex to the Convention, be accepted as valid for a single point to point voyage

Từ cảng: _____
from the port of:

Tới cảng: _____
to the port of:

Cấp tại _____ Ngày _____
Issued at Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

* Trang xác nhận này sau lần kiểm tra phải được sao lại và bổ sung vào Giấy chứng nhận.
This page of the endorsement shall be reproduced and added to the certificate.

Mẫu số V.04

(Ban hành kèm theo Phụ lục V của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Số: ----------
No.

GIẤY CHỨNG NHẬN
DOCUMENT OF AUTHORIZATION

PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH CHỞ XÔ HÀNG HẠT
APPROVAL OF SHIP'S PLANS FOR THE CARRIAGE OF BULK GRAIN

Cấp theo ủy quyền của Chính phủ nước CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Issued under the authority of the Government OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Đặc điểm tàu
Particulars of Ship

Tên tàu _____
Name of Ship

Số IMO _____
IMO Number

Số đăng ký hoặc hô hiệu _____
Official Number or Letters

Kiểu tàu _____
Type of Ship

Chủ tàu/người khai thác tàu _____
Owner/Operator

Phê duyệt theo:
Aprroved pursuant to:

☐ Bộ luật quốc tế về chở xô hàng hạt (Nghị quyết MSC.23(59) của IMO))
International Code for the Safe Carriage of Grain in Bulk (IMO Res. MSC.23(59))

☐ Quy định khác (nêu rõ) _____
Other (specify)

Số bản vẽ, tài liệu hoặc sơ đồ
Drawing, Document or Plan Number and description

Tài liệu số _____
Document No.

"Bản tính ổn định xếp hàng hạt" được Cục Đăng kiểm Việt Nam phê duyệt ngày: _____
"Grain loading trim & stability calculation" approved by Vietnam Register on:

Sổ tay này được phê duyệt phù hợp với Bộ luật quốc tế về chở xô hàng hạt.
This booklet was approved in accordance with the International Code for the Safe Carriage of Grain in bulk.

Ghi chú: _____
Remarks: _____
_____

Cấp tại _____ Ngày _____
Issued at Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

Các điều kiện phê duyệt được nêu ở mặt sau.
Conditions of approval are set forth on the reverside.

ĐIỀU KIỆN PHÊ DUYỆT
CONDITION OF APPROVAL

1. Sổ tay xếp hàng hạt này phải được cất giữ trên tàu và nếu có yêu cầu, phải được trình cho các cơ quan có thẩm quyền tại cảng xếp hàng kiểm tra.
The grain loading booklet is to be placed on board the vessel and if so required, it is to be produced for inspection by the appropriate authorities at port of loading.

2. Thuyền trưởng phải nghiên cứu kỹ lưỡng các hướng dẫn và cách thức bố trí hàng hạt nêu trong sổ tay xếp hàng hạt này.
The master is to be guided by the instructions and arrangements set forth in this grain loading booklet.

3. Trong trường hợp dự định xếp hàng hạt khác với các trạng thái tính toán xếp hàng hạt nêu trong sổ tay này, bằng cách sử dụng các đường cong hoặc bảng mô men nghiêng, bảng mô men nghiêng cho phép và các số liệu khác nêu trong sổ tay, thuyền trưởng phải chứng minh được rằng góc nghiêng của tàu, diện tích thực dụng hoặc diện tích còn lại của đồ thị ổn định tĩnh và chiều cao tâm nghiêng ngang, ở tất cả các giai đoạn của chuyến đi, phải nằm trong giới hạn quy định tại Bộ luật quốc tế về chở xô hàng hạt (Nghị quyết MSC.23(59) của IMO).
In the event grain loadings other than those specifically set forth in the grain loading calculation given in the booklet are contemplated, the master is to satisfy himself by the use of the heeling moment curves or tables, allowable heeling moment tables and other data contained therein, that the vessel's angle of heel, the net or residual area in the statical stability diagram and metacentric height, at any stage in the voyage, fall within the limitation set forthy in the International Code for the Safe Carriage of Grain in Bulk (IMO Res. MSC.23(59)).

4. Trong trường hợp sử dụng các bao hàng hạt, dây đai hoặc dây chằng buộc để cố định "khoang hàng được chứa hàng hạt một phần" nhằm mục đích loại trừ mô men nghiêng của khoang, thì việc cố định này phải được thực hiện theo phương pháp mô tả trong sổ tay xếp hàng hạt này.
Where bagged grain, strapping or lashing is utilized for the purpose of securing "partly filled compartment" in order to eliminate heeling moment in the compartment, the securing is to be accomplished by the manner described in the grain loading booklet.

5. Sổ tay cân bằng và ổn định phải được cất giữ trên tàu và được sử dụng kết hợp với sổ tay xếp hàng hạt này.
The Trim and Stability Booklet is to be kept on board and is to be used in conjunction with the grain loading booklet.

Mẫu số V.05

(Ban hành kèm theo Phụ lục V của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Số: ----------
No.

BẢN CÔNG BỐ NHẬT KÝ ĐIỆN TỬ THEO MARPOL
DECLARATION OF MARPOL ELECTRONIC RECORD BOOK

Theo thẩm quyền của CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM cấp theo các quy định của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra (MARPOL):

Issued under the authority of the Government of the Socialist Republic of Vietnam by Vietnam Register in reference to the requirements set out in the International Convention for the Prevention of Pollution by Ships (MARPOL):

Tên tàu Name of Ship	Số IMO IMO Number	Quốc tịch tàu Flag State of ship	Tổng dung tích Gross Tonnage

Công bố hệ thống điện tử được thiết kế để ghi lại các mục theo Phụ lục MARPOL được trang bị cho tàu nói trên đã được Chính quyền Hàng hải đánh giá để đáp ứng các yêu cầu liên quan như được nêu trong MARPOL và phù hợp với Hướng dẫn của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO).

This is to declare that the electronic system designed to record entries in accordance with MARPOL Annex(es) installed on board the ship listed above has been assessed by this Administration to meet the relevant requirements as set out in MARPOL and is consistent with the Guidelines developed by the International Maritime Organization (IMO).

Nhà sản xuất nhật ký điện tử: .....
Electronic Record Book Manufacturer

Nhà cung cấp nhật ký điện tử: .....
Electronic Record Book Supplier

Người lắp đặt nhật ký điện tử: .....
Electronic Record Book Installer

Tên/phiên bản phần nhật ký điện tử: .....
Electronic Record Book Software Name/Version

Nhật ký điện tử phù hợp với Nghị quyết của MEPC:.....
Electronic Record Book is in accordance with MEPC Resolution/s

Ngày lắp đặt (ngày/tháng/năm).....
Date of installation (dd/mm/yy)

Bản sao của bản công bố này luôn được mang theo tàu được trang bị nhật ký điện tử này.
A copy of this declaration should be carried on board a ship fitted with this Electronic Record Book at all times.

Cấp tại ..... Ngày .....
Issued at Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER